

CTY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2019

--∞ ∞--

Thanh Hóa, Tháng 3/2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần Thanh Hoa Sông Đà
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2800772376
- Vốn điều lệ : 30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ : 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa
- Số điện thoại : 02373 724 892 / 02373 755 050
- Số fax : 02373 855 750
- Email : Ketoan@thanhhoasongda.com.vn
- Website : <http://thanhhoasongda.com.vn>
- Mã chứng khoán : **THS**

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thanh Hoa Sông Đà tiền thân là Công ty công nghệ phẩm Thanh Hóa, cổ phần hóa theo Nghị định 64/CP của Chính phủ.

Ngày 15/09/2003, UBND tỉnh Thanh Hóa đã phê duyệt Quyết định số 2941/QĐ/UB về việc chuyển đổi Công ty công nghệ phẩm Thanh Hoá thành công ty cổ phần với mức vốn điều lệ 5 tỷ đồng, lấy tên là Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Thanh Hoa.

Do nhu cầu bức thiết phải đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tháng 5/2004, Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Thanh Hoa đã mời Tổng Công ty Sông Đà góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà với số vốn điều lệ là 10,1 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty Sông Đà nắm giữ 51%.

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã trải qua hai lần tăng vốn điều lệ. Tính đến năm 2010, Công ty chính thức ghi nhận mức vốn điều lệ là 30 tỷ đồng.

Năm 2014 Tổng Công ty Sông Đà thoái vốn (51% VDL) tại Công ty theo chủ trương chung của Nhà nước và Kế hoạch tổ chức lại Tổng công ty Sông Đà đã được Bộ Xây Dựng Phê duyệt. Từ ngày 26/05/2014 Công ty không còn phần vốn góp của Nhà nước, chuyển sang cơ chế quản lý mới với 100% vốn góp của các thể nhân.

Ngày đăng ký trở thành Công ty đại chúng : 12/04/2008

Ngày niêm yết CP công ty trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội : 05/11/2013

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là kinh doanh thương mại bán buôn các mặt hàng tiêu

dùng và dịch vụ cho thuê mặt bằng kinh doanh

- Kinh doanh thương mại

- ✓ Xí nghiệp 1: Bán buôn các mặt hàng sứ Hải Dương, Nhôm sắt tráng men Hải Phòng ...
- ✓ Xí nghiệp 2: Cung cấp và lắp đặt nội thất Hòa Phát, nội thất Xuân Hòa, Nội thất 190, nhựa Duy Tân...
- ✓ Xí nghiệp 3: Bán buôn các mặt hàng chăn ga gối đệm Sông Hồng, Bóng đèn phích nước Rạng Đông, điện tử Nagakawa, các loại quạt điện Thống Nhất, Chinh Hai, 91,...
- ✓ Xí nghiệp 6: Cung ứng và lắp đặt thiết bị điện tử điện lạnh các hãng Aqua, Funiki, Samsung, LG, Panasonic, Daikin, Casper...

Các xí nghiệp cung ứng bán buôn cho các đại lý và các dự án trong và ngoài tỉnh.

- Dịch vụ cho thuê

Các điểm cho thuê:

- ✓ Siêu thị 301 Trần Phú
- ✓ Trung tâm thương mại 25 Lê Lợi

Các đơn vị thuê: Chi nhánh Ngân hàng NN&PT nông thôn thành phố Thanh Hoá, Công ty TNHH An Thành (*hàng thời trang Nem*), Công ty Ngôi Sao (*cửa hàng xe máy YAMAHA*), Công ty TNHH may thêu giày An Phước (*hàng thời trang*), Công ty Ngôi Sao (*cửa hàng xe máy YAMAHA*), Công ty CP Mediamart Việt Nam (*siêu thị điện máy Mediamart*)...



Trung tâm thương mại 25 Đại lộ Lê Lợi



Trung tâm thương mại 301 Trần Phú

Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty

Đơn vị: 1.000 đồng

Doanh thu bán hàng hóa	262.077.671	96,5%	254.792.106	90,6%	277.344.962	96,8%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.444.043	3,5%	26.282.426	9,4%	9.161.487	3,2%
Doanh thu thuần	271.521.714	100%	281.074.532	100%	286.506.449	100%

Hoạt động SXKD năm 2019 của Công ty diễn ra trong tình hình thị trường hết sức khó khăn do cạnh tranh ngày càng quyết liệt và thời tiết diễn biến bất thường. Tuy nhiên Công ty đã phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, Doanh thu đạt 102% kế hoạch và tăng trưởng 2% so với năm 2018

Trong đó, doanh thu bán hàng hóa của Công ty luôn chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu thuần của toàn Công ty (96,8% doanh thu thuần).

Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

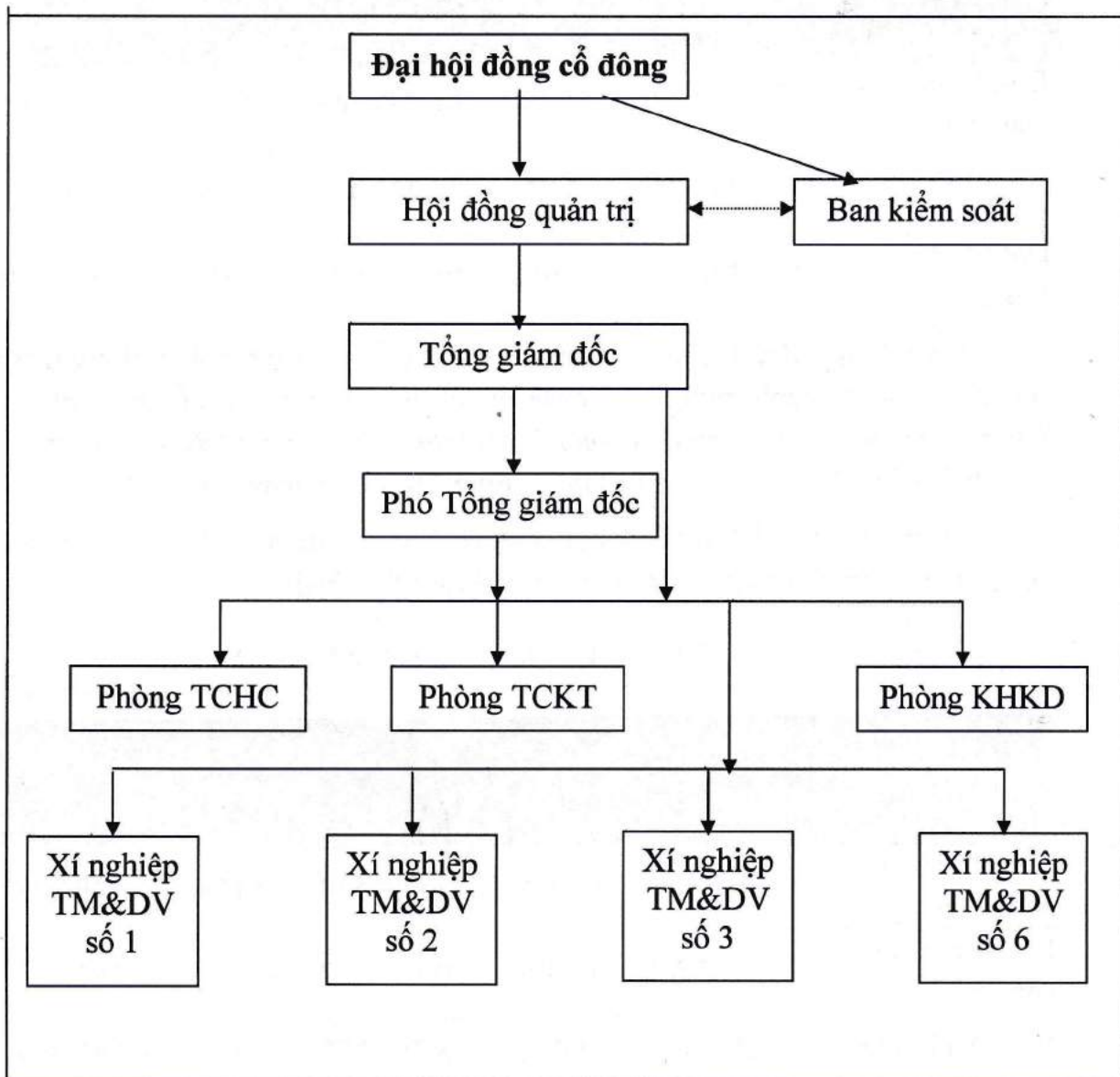
Đơn vị: 1.000 đồng

Lợi nhuận bán hàng hóa	11.844.837	64,6%	13.098.550	55,6%	12.640.245	64,1%
Lợi nhuận cung cấp dịch vụ	6.477.826	35,4%	10.464.222	44,4%	7.067.724	35,9%
Lợi nhuận gộp	18.322.663	100%	23.562.772	100%	19.707.969	100%

Mặc dù Doanh thu của hoạt động cung cấp dịch vụ chỉ chiếm 3,2% trong doanh thu thuần của toàn Công ty nhưng lợi nhuận gộp của hoạt động này lại luôn chiếm tỷ trọng khoảng lớn (35,9%). Điều này cho thấy mảng hoạt động này hiệu quả cao và ổn định.

Trong năm 2019, Công ty đã tổ chức tốt hoạt động kinh doanh tiêu thụ hàng hóa nên cùng với việc doanh thu thuần tăng thì lợi nhuận gộp từ hoạt động này cũng tăng so với các năm trước.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là tổ chức quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, bao gồm 05 người, có toàn quyền

nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban kiểm soát

Có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

Các phòng ban Công ty

- Phòng Kế hoạch - Kinh doanh: Có chức năng nắm bắt các thông tin kinh tế thị trường, xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho từng giai đoạn, lập phương án kinh doanh cụ thể và giám sát thực hiện, tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về đầu tư, sản xuất kinh doanh.

- Phòng Tài Chính – Kế toán: Chịu trách nhiệm tổ chức hạch toán kế toán theo đúng quy định nhà nước; tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về công tác tài chính kế toán; Giúp Tổng Giám đốc công ty về công tác quản lý, sử dụng vốn (tài sản, nguyên vật liệu, tiền vốn, chi phí sản xuất kinh doanh) để đạt được mục đích đề ra của Đại hội cổ đông và hội đồng quản trị, phù hợp với chủ trương, chính sách pháp luật hiện hành, các quy định của nhà nước về kế toán thống kê.

- Phòng Tổ chức - Hành chính: Là một bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong việc tổ chức và quản lý nhân sự, quản lý tài sản, quản trị văn phòng, công tác bảo vệ, an ninh trật tự.

Các xí nghiệp

Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Số 1:

- Địa chỉ: Lô CC4 Khu CN Tây Bắc Ga – P. Đông Thọ - TPTH
- Điện thoại/Fax: 0237. 3853 936
- Email: Xinghiepl@thanhhoasongda.com.vn
- Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh các mặt hàng nhôm, sứ, nhựa dân dụng...

Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Số 2:

- Địa chỉ: 13 Cao Thắng – Phường Lam Sơn - TPTH
- Điện thoại: 0237. 3852 204 Fax: 037. 3753 190
- Email: Xinghiiep2@thanhhoasongda.com.vn
- Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh các mặt hàng nội thất dân dụng...

Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Số 3:

- Địa chỉ: 301 Trần Phú – P. Ba Đình - TPTH
- Điện thoại: 0237. 3852 212 Fax 037. 3852 212
- Email: Xinghiiep3@thanhhoasongda.com.vn
- Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh các mặt hàng chăn ga gối đệm bóng đèn phích nước, đồ điện dân dụng...

Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Số 6:

- Địa chỉ: Lô CC4 Khu CN Tây Bắc Ga – P. Đông Thọ - TPTH
- Điện thoại: 0237. 3716 336 Fax 037. 3716 336
- Email: Xinghiiep6@thanhhoasongda.com.vn
- Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh các mặt hàng điện tử điện lạnh dân dụng

5. Định hướng phát triển

5.1 Mục tiêu của Công ty

Xây dựng và phát triển Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà thành doanh nghiệp kinh doanh thương mại và dịch vụ có tính chuyên nghiệp cao, đủ sức cạnh tranh, có vị thế xứng đáng và vững chắc trên thị trường, đặc biệt là thị trường Thanh Hóa

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Phương hướng cơ bản kinh doanh giai đoạn (2019-2024) là tập trung cao độ vào các mặt hàng công ty có lợi thế cạnh tranh để mở rộng thị trường, phát triển mặt hàng ngành hàng mới, nâng cao hiệu quả kinh doanh, ưu tiên hàng đầu mục tiêu lợi nhuận, khẳng định vị thế của công ty về các mặt hàng kinh doanh chủ lực trên thương trường

*** Một số chỉ tiêu chủ yếu 5 năm (2019 – 2024)**

- Tổng giá trị SXKD: 1.815 tỷ VNĐ, tăng bình quân hàng năm 8%.
 - Doanh thu : 1.650 tỷ VNĐ, tăng bình quân hàng năm là 8 %.
 - Lợi nhuận TT : 17,7 tỷ VNĐ, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 5%.
 - Cổ tức bình quân 9,4%/năm, tăng bình quân hàng năm là 4%
 - Nộp ngân sách nhà nước: 16,7 tỷ VNĐ, tăng bình quân hàng năm là 5 %.
 - Thu nhập BQ người lao động: 8,7 triệu VNĐ, tăng bình quân hàng năm là 4 %.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định cho người lao động.

*** Định hướng phát triển**

Tập trung cao độ vào các mặt hàng công ty có lợi thế cạnh tranh, tích cực phát huy các ngành hàng mới có tiềm năng để mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả kinh doanh, ưu tiên hàng đầu mục tiêu lợi nhuận, nâng cao cổ tức cho cổ đông và thu nhập của người lao động trong công ty

Thực hiện đầu tư hợp lý, đem lại hiệu quả đầu tư cao nhất.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ, nâng cao tính hiệu quả, khoa học, minh bạch và tuân thủ pháp luật

Đổi mới công nghệ kinh doanh, triển khai kinh doanh thương mại điện tử

Mở rộng thị trường, giao lưu liên kết nắm bắt cơ hội do hội nhập kinh tế quốc tế của nền kinh tế mang lại

6. Các rủi ro

Là một doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề, hoạt động chủ đạo đồng thời cũng là thế mạnh của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà là kinh doanh dịch vụ thương mại. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp từ thay đổi của nền kinh tế như tăng giảm tốc độ tăng trưởng GDP, các biến động trong chính sách tài khóa, tiền tệ và các rủi ro khác

6.1. Rủi ro về kinh tế

Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm qua đã chứng tỏ sự vững vàng cho dù có trở lực bên ngoài, chủ yếu nhờ vào sức cầu mạnh trong nước kết hợp sự năng động của các ngành chế tạo, chế biến theo định hướng xuất khẩu.

Tuy nhiên trong năm Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam phải đối phó với những diễn biến khó lường của thị trường và thiên tai, biến đổi khí hậu, tình hình khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, nguồn lực tài chính quốc gia hạn chế và yêu cầu đẩy nhanh tái cơ cấu trên nhiều lĩnh vực. Hệ thống tài chính vẫn phụ thuộc nhiều vào khu vực ngân hàng, chính sách lãi suất cho vay tại các thời điểm.

Trong bối cảnh đó, rủi ro về kinh tế đối với các hoạt động kinh doanh thương mại là rất hiện hữu

6.2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, đồng thời niêm yết cổ phiếu Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định đối với Công ty niêm yết.

Tuy nhiên hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện do đó các luật và văn bản dưới luật này sẽ có thể được chỉnh sửa cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những sự thay đổi này sẽ có thể gây ảnh

hướng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chính sách mới về BHXH, buộc doanh nghiệp phải tự rà soát lại và xây dựng hệ thống thang bảng lương riêng là một khó khăn cho doanh nghiệp.

6.3. *Rủi ro đặc thù*

Rủi ro về tín dụng

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại. Vào các thời điểm mùa vụ, Công ty cần một lượng vốn lớn để đáp ứng đủ cho hoạt động mua bán, dự trữ hàng hoá. Lúc đó Công ty phải bổ sung vốn kinh doanh bằng vốn vay. Với đặc điểm này, hoạt động của Công ty chứa đựng những rủi ro tiềm ẩn về tín dụng.

Trong điều kiện kinh doanh thông thường vòng quay hàng tồn kho bình quân hàng năm của Công ty khoảng 8,4 vòng. Sự luân chuyển nhanh của hàng tồn kho sẽ đảm bảo khả năng thanh toán cho vay ngắn hạn. Hiện nay, lãi suất tín dụng của Ngân hàng tuy không giảm, nhưng mức lãi suất vừa phải, chính sách cho vay của Ngân hàng cũng thông thoáng hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh.

Rủi ro về cạnh tranh

Trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nền kinh tế Việt Nam sẽ thông thoáng hơn, số lượng hàng hoá trao đổi ngày một nhiều, chất lượng hàng hoá dịch vụ được nâng cao, yếu tố cạnh tranh trên thương trường ngày càng khốc liệt. Việc hội nhập quốc tế trong lĩnh vực thương mại và đầu tư sẽ tạo ra cơ hội và thách thức, đòi hỏi các doanh nghiệp phải tăng năng lực cạnh tranh, phát triển phù hợp với tiêu chuẩn thông lệ quốc tế. Trước xu thế và vận hội mới, các công ty thương mại phải xem xét lại toàn bộ kinh doanh hiện tại. Nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực tài chính, và tìm các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động, để có thể thích ứng và tồn tại trong môi trường kinh doanh mới.

6.4. *Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết*

Khi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty,..... Để giảm thiểu một cách tối đa những rủi ro có thể xảy ra đối với biến động giá cổ phiếu, Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà luôn thực hiện tốt quy định Công bố thông tin nhằm ràng buộc trách nhiệm của những cá nhân liên quan đối với việc công bố thông tin của Công ty, đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định trong Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 06/10/2016 hướng dẫn Công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà

Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDCK ngày 29/9/2016. Điều này sẽ giúp các nhà đầu tư tiếp cận được với những thông tin liên quan của Công ty một cách chính xác và hiệu quả. Từ đó, các nhà đầu tư có thể đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn hơn.

6.5. *Rủi ro khác*

Các rủi ro như thiên tai, hoả hoạn, dịch hoạ, chiến tranh ... là những rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và hoạt động chung của Công ty.

II. **Tình hình hoạt động trong năm**

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

- Năm 2019 kinh tế vĩ mô ổn định, Chính phủ có nhiều chính sách, chủ trương khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Tình hình tài chính công ty vững vàng, vòng quay vốn nhanh, một số mặt hàng đang trên đà phát triển tốt, một số mặt hàng mới khai thác đã bắt kịp nhanh với thị trường là những điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Đội ngũ cán bộ công ty có bề dày kinh nghiệm. Cán bộ công nhân viên công ty đoàn kết, quyết tâm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tuy nhiên sự phát triển của thị trường dưới tác động của kinh tế và công nghệ phát triển xuất hiện nhiều hình thức thương mại mới. Quy luật đào thải thông qua cạnh tranh diễn ra mạnh mẽ. Những yếu kém, lạc hậu, sai lầm sẽ bị loại bỏ nhanh chóng. Hoạt động kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn, một số mặt hàng truyền thống doanh thu vẫn tiếp tục giảm sút. Thời tiết diễn biến nhiều thời điểm không tuân theo quy luật, mưa bão lũ lụt nhiều đã ảnh hưởng lớn cho hoạt động kinh doanh các mặt hàng mùa vụ.

- Trong bối cảnh đó toàn công ty đã có nhiều nỗ lực, phấn đấu cơ bản hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm. Một số chỉ tiêu quan trọng như: Doanh thu, Lợi nhuận, nộp ngân sách đã đạt và vượt mức kế hoạch đề ra.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019 (triệu đ)	TL hoàn thành KH năm (%)	So với năm 2018 (%)
1	Tổng giá trị SXKD	318.592	103	102
2	Doanh thu	289.629	103	102
3	Lợi nhuận trước thuế	3.925	123	44
4	Nộp ngân sách	3.327	111	56
5	Thu nhập Bình quân	8,2	94	93
6	Cổ tức dự kiến (%/năm)	10	125	50

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)
Nguyễn Thanh Hải	Tổng giám đốc	175.000	5,83
Lê Văn Tường	Phó tổng giám đốc	170.000	5,67
Chu Thị Hòa	Phó tổng giám đốc	164.000	5,47
Vũ Thị Lý	Kế toán trưởng	30.000	1,00

Tóm tắt sơ yếu lý lịch

Ông Nguyễn Thanh Hải - Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Nguyễn Thanh Hải**

Giới tính: Nam

Số CMTND: 171474060 Ngày cấp: 19/05/2009 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 23/10/1960

Nơi sinh: Xã Hà Bình - Huyện Hà Trung - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Hà Bình - Huyện Hà Trung - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 54 Quán Giò – P.Trường Thi – TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0913.081.812

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

1978 - 1986	Đi bộ đội
1987 - 2002	Làm việc tại phòng kinh doanh Công ty Công nghệ phẩm Thanh Hoá
Năm 2003 - 18/04/2004	Phó Giám đốc Công ty Thương mại & Dịch vụ Thanh Hoá
19/05/2004- 07/2006	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thanh Hoá - Sông Đà
07/2006 - 31/05/2009	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thanh Hoá - Sông Đà
01/06/2009 – 7/12/2013	Phó Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thanh Hoá - Sông Đà
08/12/2013 đến nay	Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thanh Hoá - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 225.000 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
Nguyễn Thị Hoa	Vợ	15.000
Nguyễn Thuý Hồng	Con đẻ	1.000

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Lê Văn Tường - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Lê Văn Tường**

Giới tính: Nam

Số CMTND: 171195060 Ngày cấp: 29/03/2013 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 19/05/1958

Nơi sinh: Xã Đông Anh - Huyện Đông Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Đông Anh - Huyện Đông Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 15 Phố Cửa Hậu - P. Điện Biên - TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0373.855.095/0912.384.845

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, cử nhân Luật

Quá trình công tác:

1973 - 1978	Đi bộ đội
1978 - 2000	Làm việc tại phòng kế toán Công ty công nghệ phẩm Thanh Hoá
2001 - 2002	Phó phòng kinh doanh Công ty Công nghệ phẩm Thanh Hoá
2003 - 18/04/2004	Trưởng phòng đầu tư Công ty Thương mại và Dịch vụ Thanh Hoá
19/04/2004 - nay	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thanh Hoá - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thanh Hoá - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 210.000 cổ phần
Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
Lê Minh Thông	Con đẻ	10.000

Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Bà Chu Thị Hòa – Phó Tổng giám đốc công ty

Họ và tên : **Chu Thị Hòa**

Giới tính : Nữ

Số CMTND: 171893481 Ngày cấp: 18/05/2007 Nơi cấp: CA Thanh Hóa
Ngày tháng năm sinh: 17/11/1966

Nơi sinh: Xã Hoàng Hợp - Huyện Hoàng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Hoàng Hợp - Huyện Hoàng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 12/7 Bến Ngự - P. Trường Thi - TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0983.852.699

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

1987 - 1999	Kế toán Công ty công nghệ phẩm Thanh Hoá
2000 - 2009	Kế toán trưởng công ty CP Bách hoá số 3 – Thanh Hoa - Sông Đà
2010 - 25/04/2012	Giám đốc Xí nghiệp TM&DV số 3 – Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
26/04/2012 – 06/07/2014	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 3 - Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà
07/07/2012 đến nay	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc cty, Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 3 - Cty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:

- Ủy viên HĐQT
- Phó Tổng giám đốc công ty
- Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 3 - Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 200.000 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
Chu Thị Hiền	Em gái	8.070 CP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Bà Vũ Thị Lý - Kế toán trưởng

Họ và tên: **Vũ Thị Lý**

Giới tính: Nữ

Số CMTND: 171409130 Ngày cấp: 13/10/1999 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 30/09/1983

Nơi sinh: Xã Vạn Thắng - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Vạn Thắng - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Lô số 52, MBQH 2155, P.Đông Vệ, TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0984.034.443/0373.724.892

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

03/2006 - 03/2008	Kế toán Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
03/2008 - 05/2009	Phó phòng kế toán Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
06/2009 - 07/2011	Trưởng phòng kế toán Cty CP Thanh Hoa - Sông Đà
Từ 08/2011 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 70.000 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Thay đổi trong ban điều hành:

Stt	Thành viên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Lý do
1	Đỗ Văn Thái	Phó TGD CTY		26/4/2019	Chuyển công tác

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Các chính sách đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2019, toàn Công ty có 72 lao động.

Cơ cấu lao động tại ngày 31/12/2019

Tổng số lao động đã ký HĐLĐ là: 72 người (tỷ lệ 100%) Trong đó:

ĐH và trên ĐH: 35 người (49%). Trung cấp + cao đẳng : 15 người (21%).

Sơ cấp: 22 (30%)

Cơ cấu lao động tại ngày 31/12/2019		
Loại hợp đồng lao động (HĐLĐ)	75	100%
- HĐLĐ không xác định thời hạn	62	86%
- HĐLĐ ngắn hạn (1-3 năm)	10	14%
Trình độ đào tạo	75	100%
- Đại học và trên đại học	35	49%
- Trung cấp + Cao đẳng	15	21%
- Sơ cấp	22	30%
- Công nhân	0	0%

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

Công tác đào tạo: Công ty coi trọng công tác đào tạo lại, đào tạo chuyên sâu, đào tạo đón đầu để nâng cao năng suất, chất lượng lao động, Trước mắt, Công ty sẽ tập trung đào tạo về chuyên môn và tăng cường bổ sung kiến thức quản trị đối với đội ngũ cán bộ trẻ tại phòng ban và các đơn vị trực thuộc đáp ứng theo yêu cầu trong nhiệm vụ mới.

Công tác tuyển dụng: Trong năm Công ty đặt ra chỉ tiêu xem xét lại số lao động dôi dư, đồng thời tuyển dụng thêm một số lao động thực sự có năng lực chuyên môn, đặc biệt là cán bộ kinh doanh và quản lý.

Về công tác xây dựng và áp dụng hệ thống định mức lao động: Thực hiện Quy chế trả lương theo năng suất đã ban hành, áp dụng đồng bộ phương thức bán hàng theo đơn đặt hàng và trả lương theo đơn giá tiền lương, đảm bảo tính tiên tiến, góp phần nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí.

Về thực hiện chế độ, chính sách:

- Hệ thống quy chế lương, thưởng của Công ty phù hợp theo hướng gắn liền tiền lương, thu nhập của người lao động với chất lượng lao động và hiệu quả công tác, coi trọng lao động có trình độ chuyên môn và tính kỷ luật cao.

- Tiếp tục sắp xếp lại lao động phù hợp với trình độ chuyên môn, xây dựng chế độ khuyến khích đối với người lao động có trình độ chuyên môn cao, hoàn thiện cơ chế

trả lương hợp lý, thật sự khuyến khích người lao động làm việc có hiệu quả, tăng cường công tác đào tạo lại đồng thời xử lý nghiêm theo quy định của Pháp luật và các Quy định của Công ty đối với những lao động yếu kém, vô kỷ luật.

- Duy trì chế độ phúc lợi, đảm bảo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động thông qua các hoạt động văn hoá xã hội, chính sách chăm sóc người lao động ốm đau, tai nạn,... chính sách với những người lao động đã nghỉ hưu, mất sức lao động, với con em người lao động đã và đang làm việc với Công ty, tổ chức thăm quan nghỉ mát hàng năm. Tổ chức Công đoàn đại diện cho người lao động ký thoả ước lao động tập thể với Công ty để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động.

- Mục tiêu của Công ty sẽ cố gắng tạo dựng được môi trường làm việc tốt nhất để người lao động có đầy đủ điều kiện phấn đấu phát triển cùng sự phát triển của Công ty, duy trì văn hoá doanh nghiệp lành mạnh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Trong năm tiến hành xây dựng và đưa vào sử dụng Showroom 2 tầng Tây Bắc Ga, đáp ứng đủ nhu cầu kho chứa hàng của các XN, sắp xếp lại khu làm việc văn phòng tại tòa nhà 2 tầng kho TBG

- Tổng số tiền đầu tư trong năm 2019: 3,5 tỷ đồng

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Tăng, giảm (Tăng +, giảm -)
1	Tổng giá trị tài sản	1.000đ	85.362.875	67.861.057	-17.501.818
2	Doanh thu thuần	1.000đ	280.946.351	286.372.262	+5.425.911
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.000đ	6.935.231	2.529.149	-4.406.082
4	Lợi nhuận khác	1.000đ	1.889.820	1.396.825	-492.995
5	Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	8.825.051	3.925.975	-4.899.076
6	Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	7.017.541	3.125.541	-3.892.000
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	20	10	-10

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	lần	1,35	1,40
	- Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-Hàng TK)/Nợ NH	lần	0,54	0,50

2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ / Tổng tài sản	lần	0,52	0,44
	- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	lần	1,08	0,77
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bq)	Vòng	8,4	8,5
	- Doanh thu thuần / Tổng TS	lần	3,3	4,2
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	lần	0,025	0,011
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn Chủ sở hữu	lần	0,171	0,082
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	lần	0,082	0,046
	- Hệ số lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	lần	0,031	0,014

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần : 3.000.000 CP

Bao gồm: - Cổ phiếu quỹ : 300.000 CP

- Cổ phiếu hiện đang lưu hành : 2.700.000 CP

Trong đó: + Cổ phần chuyển nhượng tự do : 2.392.630 CP

+ Cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 307.370 CP

b) Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2019

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (nghìn đ)	Tỷ lệ (%)	SL CP	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn thực góp:	2.997.900	29.979.000	99,93%	2.100	21.000	0,07%
1. Cổ đông Nhà nước	0	0	0%			
2. Cổ đông nội bộ: (Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền CBTT và người có liên quan)	1.642.300	16.423.000	54,74%			

3. Cổ đông trong công ty:	653.952	6.539.520	21,80%			
- Cổ phiếu quỹ	300.000	3.000.000	10,00%			
- Cán bộ công nhân viên	353.952	3.539.520	11,80%			
4. Cổ đông ngoài công ty:	701.648	7.016.480	23,39%	2.100	21.000	0,07%
- Cá nhân	701.542	7.015.420	23,39%			
- Tổ chức	106	1.060	0,00%	2.100	21.000	0,07%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *Không có*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: *Không có*

e) Các chứng khoán khác: **Không có**

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2019 trong điều kiện kinh doanh khó khăn, toàn công ty đã có nhiều nỗ lực, phấn đấu cơ bản hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm. Một số chỉ tiêu quan trọng như: Doanh thu, Lợi nhuận, nộp ngân sách đã đạt và vượt mức kế hoạch đề ra.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019 (triệu đ)	TL hoàn thành KH năm (%)	So với năm 2018 (%)
1	Tổng giá trị SXKD	318.592	103	102
2	Doanh thu	289.629	103	102
3	Lợi nhuận trước thuế	3.925	123	44
4	Nộp ngân sách	3.327	111	56
5	Thu nhập Bình quân	8,2	94	93
6	Cổ tức dự kiến (%/năm)	10	125	50

- XN3 duy trì tốt tốc độ tăng trưởng, các mặt hàng Bóng đèn, Phích nước, Quạt điện đã xác lập được vị thế trên thị trường. Hoạt động kinh doanh có hiệu quả, đóng góp lợi nhuận cho Công ty 519 triệu đồng và đảm bảo thu nhập cho CBCNV.

- XN6 trong 6 tháng đầu năm kết quả kinh doanh tốt. Nhưng từ tháng 7 tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn, doanh thu các mặt hàng đều chững. Năm 2019 DT không tăng trưởng so với năm trước, lãi gộp bán hàng giảm, hiệu quả kinh doanh thấp. XN chỉ hoàn thành KH chỉ tiêu LN, DT và thu nhập người lao động không hoàn thành KH.

- XN2 các mặt hàng nội thất Xuân Hòa, Hòa Phát có sự tăng trưởng, XN triển khai tích cực và có hiệu quả mặt hàng nhựa Duy Tân. Tuy nhiên do buông lỏng công tác quản lý công nợ dẫn đến việc phát triển mặt hàng thạch cao thất bại, công tác quản trị tại XN cũng bộc lộ nhiều tồn đọng, đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của XN.

- XN1 là đơn vị khó khăn nhất, mặc dù Công ty đã cùng với XN đưa ra nhiều giải pháp nhưng không thể cải thiện tình trạng kinh doanh thua lỗ. XN phải dừng kinh doanh tất cả các mặt hàng mới khai thác, tập trung xử lý hàng hóa tồn đọng. Riêng 2 mặt hàng nhôm, sứ vẫn đảm bảo được hiệu quả và có tiềm năng phát triển, từ quý 4/2019 XN đang tích cực xốc lại thị trường 2 mặt hàng này.

- Công ty đã cho thuê phần diện tích tầng 3 của TTTM 25 Lê Lợi, mang lại doanh thu và hiệu quả từ T6/2019.

- Đánh giá chung: Năm 2019 toàn công ty đã cơ bản hoàn thành kế hoạch SXKD. Trong đó XN3 là đơn vị hoàn thành xuất sắc toàn diện tất cả các chỉ tiêu KH SXKD. Các XN còn lại tình hình kinh doanh trong năm gặp nhiều khó khăn, doanh thu không đạt KH, hiệu quả và thu nhập người lao động thấp. Riêng XN1 thua lỗ, buộc phải cơ cấu lại Xí nghiệp.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2018	31/12/2019	Biến động
Tổng tài sản	1.000đ	85.362.875	67.861.057	-17.501.818
- Tài sản ngắn hạn	1.000đ	60.155.853	41.365.493	-18.790.360
- Tài sản dài hạn	1.000đ	25.207.022	26.495.564	+1.288.542

- Tài sản ngắn hạn giảm 18.790 triệu đ chủ yếu do giảm giá trị hàng tồn kho, thuế GTGT được khấu trừ, tiền và các khoản tương đương tiền. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, nên cuối tháng 12 thường là thời điểm Công ty tích trữ hàng hóa để bán ra trước Tết Nguyên Đán. Tuy nhiên do Tết Nguyên Đán rất gần với tết dương lịch, thời gian vàng để bán hàng trước Tết chỉ còn lại ít ngày do đó Công ty điều tiết dự trữ, tồn kho hàng hóa và các tài sản ngắn hạn khác liên quan (khoản trả trước người bán, thuế GTGT được khấu trừ) ở mức thấp, làm giảm tổng giá trị tài sản ngắn hạn.

- Tài sản dài hạn tăng 1.288 triệu đồng chủ yếu là do việc tăng giá trị tài sản cố định (xây dựng cơ bản nhà kho hoàn thành: 3.171 triệu đồng), và giá trị khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư phát sinh trong năm: 2.058 tr.đ.

- Để đảm bảo an toàn vốn, Công ty đã tổ chức đánh giá tuổi nợ của tất cả các khoản công nợ phải thu, một số khoản hàng tồn kho chậm bán do lỗi mốt, thẩm định

lại mức trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tại thời điểm 31/12/2019 mức trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi là: 1.055 triệu đồng, mức trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là: 834 triệu đồng.

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2018	31/12/2019	Biến động
Nợ phải trả	1.000đ	44.418.960	29.609.141	-14.809.819
- Nợ ngắn hạn	1.000đ	44.418.960	29.609.141	-14.809.819
- Nợ dài hạn	1.000đ	0		

- Nợ ngắn hạn giảm 14.809 triệu đồng chủ yếu do giảm khoản vay ngân hàng và giảm dư nợ các nhà phân phối do nhu cầu chuyển tiền mua hàng dự trữ tại thời điểm cuối năm giảm.

Hiện Công ty không có nợ phải trả xấu

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1. Công tác quản lý

- Thực hiện nghiêm túc công tác thanh quyết toán tháng, quý, năm, công tác kiểm kê tài sản thực tế theo quy định.

- Hệ thống quy chế quản lý nội bộ công ty được chú trọng, sửa đổi bổ sung kịp thời giúp công tác quản lý ngày càng đi vào nề nếp. Ban hành và triển khai quy chế văn hóa doanh nghiệp, Quy chế hỗ trợ phát triển mặt hàng mới, ngành hàng mới, Quy định về thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ và Quy chế quản lý và sử dụng Website TMĐT. Đặc biệt là việc ban hành Quy chế quản lý công nợ và bán hàng của Công ty sát với thực tiễn hơn, đề cao trách nhiệm quản lý công nợ của người bán hàng và người quản lý.

- Trong năm, Công ty đã triển khai ứng dụng hóa đơn điện tử kịp thời theo quy định của Ngành thuế.

3.2. Công tác tổ chức

- Tăng lương 5% toàn thể CBCNV Công ty từ T1/2019. Rà soát đánh giá việc thực hiện quy chế tiền lương, tiền thưởng năng suất toàn Công ty, và điều chỉnh phù hợp với thực tiễn từng đơn vị.

- Trong quý 4/2019 đã cơ cấu lại tổ chức nhân sự XN2, thay GD XN, tổ chức lại Tổ kinh doanh của XN và phân công công việc lại từng tổ, từng nhân viên trong XN.

- Lên phương án tổ chức sắp xếp lại XN1, thay GD XN, tinh gọn nhân sự, cơ cấu lại mặt hàng để thử nghiệm hoạt động của XN ngay từ đầu năm 2020.

- Làm tốt công tác PCCC, PCBL và đảm bảo an ninh an toàn trong toàn Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Nhận định tình hình

- Khó khăn:

Thị trường cạnh tranh ngày càng tinh vi, khốc liệt, tỷ lệ lãi gộp bán hàng ngày càng giảm. Các hệ thống bán lẻ, các siêu thị chuyên ngành và hoạt động bán hàng online phát triển mạnh mẽ ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình tiêu thụ của hệ thống khách hàng truyền thống của Công ty.

Sự đổi mới nhanh chóng trong đời sống xã hội, cả trong sản xuất, lưu thông và tiêu dùng do tác động của phát triển kinh tế và công nghệ. Những yếu kém và sai lầm sẽ bị đào thải nhanh chóng.

Thời tiết dự báo diễn biến khó lường do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của công ty.

- Thuận lợi:

Môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện và ổn định

Công ty đã có bước trưởng thành trong hoạt động SXKD. Vị thế thương hiệu công ty trên thị trường ngày càng được nâng cao. Tài chính công ty ổn định. Công tác đầu tư kho tàng và phương tiện vận tải kịp thời phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh doanh toàn Công ty. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo có bề dày kinh nghiệm, lực lượng lao động trẻ có trình độ ngày càng đông, toàn thể CBCNV có tinh thần đoàn kết, nhất trí trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Công ty đã phát triển được những mặt hàng chủ lực mang lại hiệu quả và quy mô doanh thu cao cho Công ty.

4.2. Phương hướng cơ bản năm 2020

Tập trung tháo gỡ khó khăn, cơ cấu lại hoạt động các XN, phát huy lợi thế phát triển kinh doanh các mặt hàng chủ lực, tiếp tục nghiên cứu phát triển mặt hàng mới phù hợp, chắc chắn và hiệu quả. Đổi mới công tác bán hàng, phát triển mở rộng hình thức kinh doanh TMĐT, hoàn thiện và hiện đại hóa công tác quản lý, từng bước nâng dần quy mô và hiệu quả kinh doanh công ty.

4.3. Một số chỉ tiêu kinh tế

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Dự kiến Kế hoạch năm 2020	Tốc độ tăng trưởng (%)
1	Doanh thu	Tr.đ	305.000	106
2	Lợi nhuận TT	Tr.đ	3.000	76
3	Cổ tức đề nghị	%/năm	7,5	75
4	Nộp ngân sách	Tr.đ	3.400	102
5	Thu nhập b/q	Tr.đ/ng/th	8,7	106

4.4. Công tác kinh doanh

- Tổ chức lại XN1 ngay từ đầu năm, thay đổi Giám đốc, tinh gọn bộ máy, cơ cấu lại mặt hàng (phát triển kinh doanh 2 mặt hàng Nhôm Hải Phòng, Sứ Hải Dương), các mặt hàng còn lại thanh lý hợp đồng trả lại hàng hoặc bán thanh lý thu hồi vốn, tìm kiếm phát triển thêm mặt hàng mới. Thử nghiệm hoạt động trong Q1/2020, đồng thời nghiên cứu phương án tổ chức phù hợp, chậm nhất đến 31/3/2020 sẽ báo cáo HĐQT xem xét quyết định.

- XN2 phải có biện pháp để nâng tầm quy mô doanh thu mặt hàng nội thất, chú trọng kênh TMĐT và bán dự án, nhất là các dự án lớn. Mở rộng thêm thị trường mặt hàng nhựa Duy Tân, đổi mới phương thức bán hàng mặt hàng này. Khai thác phát triển thêm mặt hàng mới. Quan tâm nâng cao năng lực đội ngũ kinh doanh thị trường, đẩy mạnh hoạt động của Tổ kinh doanh, liên kết với XN6 để tranh thủ các dự án điện tử điện lạnh.

- XN3 trên cơ sở Kết quả kinh doanh năm 2018-2019, tập trung vào phát triển kinh doanh theo chiều sâu: tăng quy mô gắn với hiệu quả; đa dạng hóa các mặt hàng điện máy, quạt điện; giữ nền nếp quản lý; phát huy tinh thần chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo kinh doanh của lãnh đạo XN và năng lực của đội ngũ thị trường. XN phấn đấu đạt mức doanh thu 100 tỷ đồng trong năm 2020.

- XN6 trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt 2 năm gần đây, XN cần có chiến lược kinh doanh trong năm 2020 và các năm tiếp theo hướng: Đa dạng hóa mặt hàng kinh doanh kết hợp với tìm kiếm thêm mặt hàng nòng cốt (XN với tư cách là Nhà phân phối), tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối trong và ngoài tỉnh, kết hợp với hỗ trợ xây dựng các đại lý lớn ở những vị trí phù hợp để nâng cao hiệu quả hệ thống phân phối, tập trung phát triển kinh doanh thương mại điện tử, nghiên cứu đầu tư nâng cấp trang Web bán hàng để nâng cao doanh thu, tìm kiếm phát triển kênh dự án, cung cấp lắp đặt thiết bị điện tử điện lạnh, nghiên cứu để tiến tới thành lập tổ nghiệp vụ của XN để đảm trách các nghiệp vụ kinh doanh của XN.

- Triển khai thương mại điện tử trên toàn công ty trên cơ sở sơ kết TMĐT trong năm 2019, xác định đây là định hướng, kênh kinh doanh quan trọng để nâng cao quy mô và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

4.5. Công tác quản lý

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị trực thuộc, rà soát và kiểm tra việc ban hành và thực hiện các quy định nội bộ của các XN.

- Thường trực quan tâm quản lý tồn kho và công nợ, duy trì nghiêm túc hiệu lực của các quy chế và quy định pháp luật trong quản lý, tăng cường công tác kiểm tra và xử lý vi phạm, hạn chế thấp nhất những rủi ro có thể xảy ra

- Thực hiện nghiêm quy định về hợp đồng kinh tế, hóa đơn chứng từ, ghi chép ban đầu.

- Rà soát, bổ sung hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ công ty
- Tập trung giải quyết các vấn đề tồn đọng sau khi Tổ chức lại XN1 (xử lý các khoản công nợ tồn đọng, hàng trả lại, hàng thanh lý...)
- Đổi mới bổ sung phần mềm bán hàng và quản lý quản trị doanh nghiệp, kết nối trực tuyến toàn Công ty để nâng cao hiệu quả quản lý chung
- Làm tốt công tác công bố thông tin theo quy định đối với công ty niêm yết, quản lý minh bạch

4.6. Công tác tổ chức:

- Cơ cấu lại XN1 cho phù hợp với thực tế tình hình kinh doanh
- Ổn định tổ chức XN2, đảm bảo bộ máy tổ chức hoạt động có hiệu quả, định biên lao động phù hợp với quy mô kinh doanh
- Quan tâm công tác tuyển dụng, công tác đào tạo bồi dưỡng. Công tác tuyển dụng cần phải chú trọng từ khâu lựa chọn tuyển dụng đến đánh giá thử việc và chế độ chính sách thu hút. Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên, đặc biệt kiến thức về marketing, giao tiếp bán hàng, quản trị kinh doanh, quản trị TMĐT..., nhằm xây dựng đội ngũ cốt cán kinh doanh và đội ngũ cấp giám đốc xí nghiệp.
- Quan tâm việc tuyển dụng kết hợp với đào tạo lại nhân sự phụ trách kinh doanh thương mại điện tử
- Nghiên cứu đề nghị HĐQT xem xét Sửa đổi bổ sung một số điều khoản trong các quy chế nội bộ cho phù hợp hơn với thực tiễn hoạt động SXKD của Công ty.
- Chăm lo đời sống CBCNV, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, phấn đấu thu nhập bình quân đạt 8,7 triệu đ/ng/th
- Thực hiện nghiêm túc các công tác phòng chống bảo lụt, PCCC...

4.7. Công tác đầu tư

- Nghiên cứu việc đầu tư thêm kho hàng phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Thanh lý xe ô tô con cũ, đầu tư mua sắm xe mới thay thế.

4.8. Công tác điều hành

- Công tác điều hành phải linh hoạt, sáng tạo, bám sát thực tiễn, trực tiếp tại từng đơn vị trong toàn Công ty.
- Quan tâm hỗ trợ XN1, XN2 ổn định tổ chức, phát triển kinh doanh.
- Chỉ đạo công tác quản lý bảo đảm an toàn vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh trong toàn Công ty.
- Chỉ đạo, triển khai thương mại điện tử trên toàn công ty trên cơ sở sơ kết TMĐT trong năm 2019.
- Triển khai ứng dụng mới phần mềm bán hàng và quản lý quản trị doanh nghiệp, kết nối trực tuyến toàn Công ty để nâng cao hiệu quả quản lý chung

5. Giải trình của Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ý kiến kiểm toán tại báo cáo tài chính năm 2019 là ý kiến chấp thuận toàn phần

IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Hoàn thành cơ bản nhiệm vụ SXKD năm trừ chỉ tiêu thu nhập chỉ đạt 8,2 tr đồng/ng/tháng, bằng 94% kế hoạch, các chỉ tiêu chủ yếu còn lại đều vượt kế hoạch năm và tăng trưởng so với năm trước. Cụ thể:

- Doanh thu: 289,629 tỷ đ = 103 %KH, bằng 109 % năm 2018
- Lợi nhuận trước thuế đạt: 3,925 tỷ đ = 122 %KH, bằng 126 % năm 2018
- Nộp ngân sách: 3,327 tỷ đ = 111 %KH, bằng 56 % năm 2018

1.2. Một số mặt hàng tăng trưởng khá

- Quạt điện doanh thu đạt: 40,704 tỷ đ = 127% KH, bằng 134% năm 2018
- Đồ điện Nagakawa đạt: 8,350 tỷ đ = 104% KH, bằng 111% năm 2018
- Nội thất Hòa phát: 13,327 tỷ đ = 111% KH, bằng 118% năm 2018
- Nội thất Xuân Hòa: 4,684 tỷ đ = 138% KH, bằng 171% năm 2018
- Điện lạnh Funiki đạt: 63,605 tỷ đ = 110% KH, bằng 118% năm 2018
- Đồ nhôm Hải phòng đạt: 4,715 tỷ đ = 118% KH, bằng 134% năm 2018

XN3 đã giành được kết quả xuất sắc toàn diện: doanh thu, lợi nhuận, thu nhập bình quân đều vượt kế hoạch và tăng trưởng so với năm trước

1.3. Bước đầu triển khai có kết quả thương mại điện tử

Trước sự phát triển mau lẹ của hình thức thương mại điện tử trên thương trường Công ty đã nhận thức được sự cần thiết nhanh chóng nhập cuộc và coi đây là một trong những giải pháp vừa có tính cấp bách vừa có tính lâu dài để giữ vững và phát triển bền vững Công ty

Triển khai từ tháng 5/2019 tại hai xí nghiệp 2&6. Trong năm đã xây dựng và vận hành 2 trang web bán hàng điện lạnh, điện tử và nội thất. Doanh thu TMĐT hàng điện lạnh, điện tử đạt 2,387 tỷ đ

Kết quả trên là rất khích lệ giúp Công ty có kinh nghiệm bước đầu và vững tin tiếp bước trong những năm tiếp theo

1.4. Tăng cường công tác tài chính kế toán

- Triển khai hóa đơn điện tử từ ngày 01/7
- Xiết chặt kỷ luật ghi chép ban đầu, hóa đơn, chứng từ

- Tăng cường quản lý nhập hàng tồn kho, công nợ, hợp đồng kinh tế
- Trong năm đã phát hiện kịp thời vi phạm buông lỏng quản lý công nợ và công tác Hợp đồng ở XN2 và đã kịp thời khắc phục
- Trên cơ sở tổng kết thực tiễn đã sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý bán hàng và công nợ
- Làm tốt công tác công bố thông tin theo đúng quy định đối với Công ty niêm yết

1.5. Công tác tổ chức có nhiều tiến bộ

Đã chấn chỉnh một bước tổ chức ở 2 xí nghiệp 1&2 gắn với tổ chức lại kinh doanh và quản trị xí nghiệp, bước đầu phát huy tác dụng. Ngăn chặn được đà giảm sâu kinh doanh của mặt hàng sứ Hải Dương, ngừng dòng lỗ kinh doanh nhựa Đại đồng tiến, thiết lập công tác quản trị xí nghiệp khoa học ở xí nghiệp 2, thu hồi cơ bản công nợ thạch cao ...

Rà soát lại các quy chế, quy định về tiền lương và tiền thưởng năng suất, giúp các xí nghiệp xây dựng lại định mức doanh thu và đơn giá tiền thưởng vượt năng suất phù hợp thúc đẩy kinh doanh

Xây dựng, ban hành Quy chế văn hóa doanh nghiệp trên cơ sở phát huy truyền thống 65 năm của Công ty, tiếp thu văn minh thời mới, thiết lập môi trường văn hóa doanh nghiệp làm nền tảng xây dựng Công ty hiệu quả, lành mạnh và phát triển bền vững

Thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động. Đã tăng lương đồng loạt 5% cho người lao động. Công tác an ninh, an toàn, VSMT, PCCC đảm bảo tốt

1.6. Công tác đầu tư:

Trong năm đã đầu tư xây mới một kho hai tầng tại kho kho Tây bắc ga với diện tích sàn 1000 mét vuông, tổng trị giá đầu tư 3,5 tỷ đồng đưa vào sử dụng từ tháng 7/2019

Đánh giá: đây là công trình đã được quản lý tốt từ khâu chuẩn bị đầu tư đến khâu đưa vào sử dụng, đảm bảo tiết kiệm, chất lượng, hiệu quả công trình

1.7. Công tác điều hành

Có nhiều tiến bộ trong công tác điều hành nhất là sáu tháng cuối năm: sâu sát hơn, kiên quyết hơn, kịp thời hơn

Đặc biệt trong việc chấn chỉnh công tác quản trị ở XN2 và công tác tổ chức lại kinh doanh ở XN1. Tuy công việc ở 2 xí nghiệp này còn phải tiếp tục hoàn thiện song tình hình kinh doanh và quản lý đã trở lại quỹ đạo phát triển bình thường

1.8. Khuyết điểm, tồn tại

- Thất bại trong phát triển mặt hàng mới
- Một số mặt hàng suy giảm, cá biệt có mặt hàng năm trước là hiệu quả năm nay khó khăn buộc phải dừng kinh doanh (nhựa Đại đồng tiền)
- XN 1 thua lỗ nặng
- XN 2 phát sinh vi phạm quản lý tiền hàng công nợ, hợp đồng kinh tế
- Thu nhập bình quân người lao động thụt lùi so với năm trước

2. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Ban TGD Công ty đã bám sát vào nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty, đồng thời có sự linh hoạt trong điều hành. Mỗi tháng, mỗi quý đều có chương trình kế hoạch, công tác trọng tâm để tập trung chỉ đạo.

Đánh giá chung: ban TGD đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ điều hành công ty được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT trong năm 2019

Năm 2020 sẽ tiếp tục là một năm khó khăn. Các nhân tố cạnh tranh cũ sẽ càng thêm quyết liệt bên cạnh sự xuất hiện của các nhân tố mới

Thiên tai dịch bệnh làm tăng thêm nghiệt ngã thương trường. Dịch Covid-19 sẽ làm giảm sức cầu tiêu dùng nói chung mà các doanh nghiệp phải tính đến

Sự đào thải thông qua cạnh tranh thị trường sẽ càng thêm quyết liệt

Phương hướng chung:

Cơ cấu lại kinh doanh trên cả ba phương diện: mặt hàng, thị trường và hình thức bán hàng cho phù hợp với tình hình mới đáp ứng yêu cầu phát triển hiệu quả và bền vững. Đổi mới công nghệ quản trị doanh nghiệp trên cơ sở áp dụng phần mềm quản trị tích hợp, tiên tiến nâng cao hiệu quả công tác

3.1. Xác định danh mục mặt hàng chủ lực tập trung đầu tư phát triển

Các mặt hàng chủ lực là các mặt hàng đã xác lập được thị trường, có hiệu quả, có lợi thế trong kinh doanh. Thường đây là những mặt hàng công ty đã có hợp đồng là nhà phân phối chính thức với nhà sản xuất hoặc nhập khẩu và là các mặt hàng có ý nghĩa quan trọng với kinh doanh của các xí nghiệp

Công ty sẽ tăng cường đầu tư vào các mặt hàng này để chiếm vị thế ngày càng tốt hơn trên thương trường trước hết là trong tỉnh, tạo thế ổn định cho kinh doanh

Danh mục mặt hàng chủ lực có thể thay đổi qua các năm tùy theo sự phát triển của thị trường

Tiếp tục phát triển mặt hàng mới nhưng từ kinh nghiệm xương máu những năm qua phải được phát triển thận trọng, ngoài việc lựa chọn mặt hàng thời điểm phù hợp cần đặc biệt chú trọng đến người thực hiện, đơn vị thực hiện

3.2. Phát triển thị trường

Tiếp tục củng cố hệ thống đại lý, nâng cao hiệu quả hệ thống đã có kết hợp với mở thêm đại lý mới tùy theo nhu cầu phát triển từng mặt hàng

Các mặt hàng BDPND, quạt điện, đồ điện dân dụng cần tiếp tục khai thác theo chiều sâu hệ thống đại lý đã có trong khi đó mặt hàng nhựa, nhôm, sứ cần thiết phải mở thêm các đại lý tuyến huyện kết hợp củng cố mối quan hệ với các đại lý đã có, quan tâm nhiều hơn đến chăm sóc khách hàng

Mặt hàng điện lạnh cần tăng cường đại lý ngoài tỉnh với các hình thức mua, bán linh hoạt để tăng cường luân chuyển hàng hóa và gia tăng quy mô kinh doanh

Xây dựng mối quan hệ thân thiện tin cậy, hỗ trợ lẫn nhau trên tinh thần sòng phẳng và cùng có lợi với các đại lý là cách tốt nhất để bán được hàng và phát triển bền vững

3.3. Ưu tiên phát triển Thương mại điện tử

- Cần có chính sách khuyến khích phát triển TMĐT trong phạm vi toàn công ty
- XN6 phát huy kết quả đạt được trong năm 2019, tiếp tục đẩy mạnh doanh thu TMĐT, XN2 phải thực sự khai thông tìm kiếm được khách hàng thông qua trang web trên tinh thần coi đây là phương thức quan trọng để tìm kiếm khách hàng, phá thế đơn điệu và thụ động trong phát triển thị trường hiện nay

Các đơn vị còn lại sẽ phát triển theo kế hoạch trong năm

- Các đơn vị từng bước gắn công tác thị trường với TMDT, tìm kiếm dự án
- Khuyến khích tạo dựng môi trường TMĐT trong toàn Công ty, từ văn phòng Công ty đến các xí nghiệp, mọi CBCNV đều thông thạo TMĐT
- Bộ máy Thương mại điện tử sẽ được tổ chức nâng cấp dần tương ứng quy mô và trình độ đạt được trong kinh doanh.
- Mục tiêu năm nay phấn đấu đạt doanh thu TMĐT từ 7,5 tỷ trở lên

3.4. Công tác quản lý tài chính, kế toán

- Khẩn trương tìm kiếm và áp dụng phần mềm quản lý tân tiến tích hợp nhiều nội dung quản lý để áp dụng cho công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành phù hợp với tình hình mới

- Nhiệm vụ thường trực của công tác kế toán tài chính là quản lý tốt tiền hàng công nợ và thông qua các nghiệp vụ, kết quả tài chính kế toán để tham mưu cho lãnh đạo có những quyết định tốt nhất trong kinh doanh

Cần quan tâm nâng cao nhận thức, trình độ nghiệp vụ và tăng cường chế độ trách nhiệm trong đội ngũ kế toán viên trong Công ty

3.5. Công tác tổ chức, lao động, tiền lương

- Tiếp tục hoàn thiện công tác tổ chức kinh doanh của XN1 và XN2 là nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của Công ty hiện nay. Trên cơ sở phát huy mặt hàng kinh doanh chủ lực và đội ngũ hiện có, cần có các chính sách phù hợp, đặc biệt chính sách tiền lương tiền thưởng thực sự khuyến khích người lao động để thúc đẩy kinh doanh có hiệu quả. Tìm kiếm và cân nhắc phương án nhân sự để nhanh chóng chấm dứt phương án kiêm nhiệm hiện nay

- Từng bước thực hiện văn phòng điện tử, những văn bản bản không cần duy trì dưới dạng văn bản giấy sẽ chỉ sử dụng văn bản điện tử. Áp dụng các hình thức họp online

- Trong năm 2020 tiếp tục quan tâm giúp các Xí nghiệp điều chỉnh định mức doanh thu (*công việc*) và đơn giá tiền thưởng vượt định mức, đảm bảo cho Quy chế thưởng năng suất phát huy hiệu quả thực chất, thúc đẩy tăng năng suất và hiệu quả kinh doanh

- Có kế hoạch, chương trình thiết thực để nâng cao trình độ, nghiệp vụ, đặc biệt là nghiệp vụ thương mại điện tử cho đội ngũ.

- Tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt và vệ sinh môi trường. Làm tốt công tác đảm bảo chế độ, quyền lợi cho người lao động

3.6. Công tác đầu tư.

- Trong năm tập trung đầu tư nâng cấp phần mềm quản lý, các trang web bán hàng

- Các công tác chuẩn bị tìm kiếm đầu tư khu kho thứ hai

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP (%)		TT về giao dịch CP	Ghi chú
		Năm 2018	Năm 2019		
Trương Vạn Thành	CT HĐQT	7,21	9,54	Mua CP	
Nguyễn Thanh Hải	TV HĐQT	5,83	7,50	Mua CP	
Lê Văn Tường	TV HĐQT	5,67	7,00	Mua CP	
Chu Thị Hoà	TV HĐQT	5,47	6,67	Mua CP	
Đỗ Văn Thái	TV HĐQT	4,07	4,28	Mua CP	Miễn nhiệm 26/4/2019
Lê Mạnh Chiến	TV HĐQT				Bổ nhiệm 26/4/2019

Ông Trương Vạn Thành – Chủ tịch HĐQT công ty

Họ và tên: **Trương Vạn Thành**
 Giới tính: Nam
 Số CMTND: 172014819 Ngày cấp: 12/01/2001 Nơi cấp: CA TH
 Ngày tháng năm sinh: 12/06/1955
 Nơi sinh: Xã Hoằng Phụ - Huyện Hoằng Hóa - Tỉnh Thanh Hóa
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Xã Hoằng Phụ - Huyện Hoằng Hóa - Tỉnh Thanh Hóa
 Địa chỉ thường trú: 12/3 Phố Bến Ngự - P. Trường Thi – TP Thanh Hóa
 Số điện thoại liên lạc: 0903452212
 Trình độ văn hoá: 10/10
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khoa học kinh tế
 Quá trình công tác:

▪ 12/1988 - 09/1991	Giám đốc xí nghiệp sứ Nông Cống Thanh Hoá
▪ 10/1991 - 09/1994	Hiệu trưởng trường dạy nghề Thương mại và du lịch Thanh Hoá
▪ 10/1994 - 09/2003	Giám đốc công ty công nghệ phẩm Thanh Hoá
▪ 10/2003 - 18/05/2004	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TM&DV Thanh Hoa
▪ 19/05/2004 - 07/2006	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
▪ 01/06/2009- 20/05/2013	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
▪ Từ 21/05/2013 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT CTCP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có

Số cổ phần nắm giữ: 286.300 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
Nguyễn Thị Thanh	Vợ	35.500
Trương Thị Thanh Huyền	Con	130.000

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Nguyễn Thanh Hải – Thành viên HĐQT (như mục II.2)

Ông Lê Văn Tường – Thành viên HĐQT (như mục II.2)

Bà Chu Thị Hòa – Thành viên HĐQT (như mục II.2)

Ông Lê Mạnh Chiến – Thành viên HĐQT

Họ và tên : Lê Mạnh Chiến

Giới tính : Nam

Số CCCD : 022082004606 Ngày cấp: 04/03/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Ngày tháng năm sinh: 08/03/1983

Nơi sinh: Xã Liên Vị, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Liên Vị, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ thường trú: P204 CT1A, Văn Quán, Yên Phúc, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0911313811

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

▪ 2005 – 2010	Làm việc tại Công ty CP vật tư vận tải và xây dựng công trình
▪ 2010 - 2017	Giám đốc Công ty CP tư vấn và xây dựng Long Việt

▪ 2017 – T3/2019	- Giám đốc Công ty CP tư vấn và xây dựng Long Việt - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần DH Seafood
▪ T4/2019 đến nay	- Giám đốc Công ty CP tư vấn và xây dựng Long Việt - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần DH Seafood - Giám đốc Công ty cổ phần Bảo Lâm Sơn La - Ủy viên HĐQT Cty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT Cty CP Thanh Hoa Sông Đà

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
Nguyễn Thị Thanh	Mẹ vợ	35.500
Trương Thị Thanh Huyền	Vợ	130.000

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Các tiểu ban thuộc HĐQT

Tiểu ban thuộc HĐQT: Ban tài chính – kế toán

- Từ sau ĐHĐCĐ thường niên 2018, căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị mới của Công ty được ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua, HĐQT đã kiện toàn lại bộ máy tiểu ban tài chính – kế toán trực thuộc HĐQT để đảm bảo hoạt động có hiệu quả và khách quan của tiểu ban, đảm bảo thực hiện tốt chức năng tư vấn và kiểm tra giám sát cho HĐQT. (Quyết định thành lập tiểu ban số 17/HĐQT-QĐ ngày 02/05/2018)

- Tiểu ban gồm 3 thành viên:

Ông Trương Vạn Thành - Chủ tịch HĐQT công ty

Bà Nguyễn Thị Hiền - Cổ đông công ty

Bà Lê Thị Thoa - Cổ đông công ty

- Chức năng và nhiệm vụ của Tiểu ban.

Ban kiểm toán nội bộ là bộ phận tham mưu giúp việc cho HĐQT Công ty, có chức năng và nhiệm vụ như sau:

+ Tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính và việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, Quy định của HĐQT. Việc kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất được thực hiện theo kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của HĐQT.

+ Thăm tra báo cáo quyết toán hàng quý các đơn vị trực thuộc và toàn công ty; Thăm tra báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm của Công ty trước thời điểm kiểm toán độc lập.

+ Báo cáo HĐQT định kỳ và theo vụ việc về kết quả công tác kiểm tra, thăm tra, giám sát đã thực hiện.

+ Thực hiện các công việc khác do HĐQT giao.

c) Hoạt động của HĐQT

*** Tăng cường vai trò quản trị doanh nghiệp của Hội đồng quản trị**

Việc tăng cường vai trò quản trị Công ty của Công ty nhằm đảm bảo cho công ty luôn đi đúng hướng, vì lợi ích của cổ đông, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty

Trên tinh thần đó HĐQT phải xác lập phương hướng đúng đắn, giải pháp phù hợp đồng thời luôn bám sát tình hình thực tế để có sự linh hoạt cần thiết trong các quyết sách lớn trong kinh doanh, quản lý

Phân công phân nhiệm phù hợp và đề cao trách nhiệm của các thành viên. Yêu cầu, đồng thời tạo điều kiện để các thành viên hoàn thành nhiệm vụ được HĐQT phân công.

Xây dựng và thực hiện nghiêm túc chương trình công tác hàng quý của HĐQT.

Đề cao tính cần trọng trong công việc đặc biệt trong các vấn đề lớn của Công ty như đầu tư, giải thể và thành lập đơn vị trực thuộc.

Làm tốt công tác chuẩn bị Nghị Quyết để nâng cao chất lượng nghị quyết được ban hành.

*** Làm tốt công tác giám sát của HĐQT đối với Ban TGD điều hành và cán bộ quản lý Công ty.**

HQĐT giám sát, kiểm tra có hệ thống hoạt động điều hành của ban TGD và các cán bộ quản lý Công Ty

HQĐT tham gia giám sát ngày từ đầu trong quá trình lên chương trình, kế hoạch công tác của bộ máy điều hành.

HQĐT cũng thường xuyên nghe báo cáo từ Ban TGD, các Giám đốc Xí nghiệp, các Trưởng phòng chức năng cũng như kiểm tra thực tế, trực tiếp tại các đơn vị.

HQĐT thường xuyên trao đổi và góp ý kiến với Ban TGD trong các công việc quan trọng của Công ty

*** Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ công ty** đưa hoạt động kiểm soát nội bộ vào nền nếp, coi đây là giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý công ty.

Đánh giá chung: Công tác giám sát, kiểm tra của HĐQT đối với bộ máy điều hành luôn là đảm bảo quan trọng cho hoạt động của Công ty đúng hướng, có hiệu quả, tuân thủ Nghị quyết của ĐHCĐ.

*** Về các cuộc họp và nghị quyết của HĐQT**

HĐQT họp thường kỳ mỗi tháng một lần vào đầu mỗi tháng, họp bất thường khi cần thiết.

Các cuộc họp đều được chuẩn bị kỹ nội dung, các tài liệu phục vụ được gửi trước cho các thành viên dự họp.

Các cuộc họp diễn ra trong không khí dân chủ và tinh thần trách nhiệm cao của các thành viên HĐQT.

Trong năm HĐQT đã ban hành tổng cộng 17 nghị quyết và 17 quyết định. Các nghị quyết và quyết định của HĐQT đều được chuẩn bị dự thảo kỹ lưỡng trước khi đưa ra hội nghị thảo luận và thông qua. Các nghị quyết và quyết định HĐQT đều bám sát vào nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ pháp luật đồng thời bám sát những vấn đề lớn, nổi cộm thực tiễn Công ty đặt ra.

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

- Ông Trương Vạn Thành - Chủ tịch HĐQT Công ty
- Ông Lê Mạnh Chiến - Ủy viên HĐQT Công ty

e) Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT

Tiểu ban tài chính kế toán đã làm việc tích cực theo nhiệm vụ được phân công, giúp HĐQT nắm bắt được kịp thời tình hình, sớm có biện pháp khắc phục những sai sót.

f) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về đào tạo quản trị Công ty

Tất cả thành viên HĐQT đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

*** Cơ cấu của Ban kiểm soát và sự thay đổi nhân sự:**

Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP (%)		TT về giao dịch CP	Ghi chú
		Năm 2018	Năm 2019		
Đỗ Văn Thái	Trưởng BKS	4,07	4,28		Bổ nhiệm 26/4/2019
Dương Trọng Chính	Trưởng BKS	0,87	0,87		Miễn nhiệm 26/4/2019
Cao Thị Hiền	TV BKS	8,56	1,00	Bán CP sở hữu	
Nguyễn Thị Lại	TV BKS	0,67	0,67		

*** Các thành viên Ban kiểm soát**

- Ông Đỗ Văn Thái – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên : **Đỗ Văn Thái**

Giới tính : Nam

Số CMTND : 171015509 Ngày cấp: 01/07/2009 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 02/09/1961

Nơi sinh : Xã Minh Khôi - Huyện Nông Công - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán : Xã Minh Khôi - Huyện Nông Công - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 183 Đường 5 Đông Phát - Đông Vệ – TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0915.000.669

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

▪ 2/1982 - 5/1985	Đi bộ đội
▪ 6/1985 - 12/1989	Làm việc tại Xí nghiệp sứ Nông Công – Thanh Hóa
▪ 1/1990 - 2/1995	Làm việc tại Trạm thú ý Nông Công - Thanh Hoá
▪ 3/1995 - 9/2003	Làm việc tại Công ty công nghệ phẩm Thanh Hóa
▪ 10/2003 - 5/2004	Làm việc tại CTY CP TM&DV Thanh Hoa
▪ 6/2004 - 1/2009	Làm việc tại CTY CP Thanh Hoa Sông Đà
▪ 2/2009 -11/2013	Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 2 - Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà
▪ 12/2013 - 9/2016	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 2 - Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà

▪ 10/2016 - 3/2019	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 2 - Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà
▪ 4/2019 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 128.500 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Lê Thị Lương	Vợ	2.530

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Bà Cao Thị Hiền – Thành viên Ban BKS

Họ và tên: **Cao Thị Hiền**

Giới tính: Nữ

Số CMTND: 172062202 Ngày cấp: 16/09/2003 Nơi cấp: CA TH

Ngày tháng năm sinh: 15/10/1982

Nơi sinh: Xã Hoàng Quang – Huyện Hoàng Hóa - Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Hoàng Quang – Huyện Hoàng Hóa - Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 5/183 Trần Bình Trọng - P.Quảng Hưng - TP T. Hoá

Số điện thoại liên lạc: 0373.852.175

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Trung cấp văn thư lưu trữ.

Quá trình công tác:

▪ 09/2003 - 05/2004	Làm việc tại Công ty CP TM&DV Thanh Hoa
▪ 06/2004 - 05/2013	Nhân viên Phòng Hành chính Cty CP Thanh Hoa Sông Đà
▪ 06/2013 – 05/2014	Phó Phòng Hành chính Cty CP Thanh Hoa Sông Đà
▪ 06/2014 đến nay	Ủy viên Ban kiểm soát kiêm Phó Phòng Hành chính Cty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên BKS, Phó Phòng Hành chính Cty
CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 30.000 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Bà Nguyễn Thị Lài – Thành viên BKS

Họ và tên: Nguyễn Thị Lài

Giới tính: Nữ

Số CMTND: 171893461 Ngày cấp: 18/05/2007 Nơi cấp: CA TH

Ngày tháng năm sinh: 02/09/1969

Nơi sinh: Xã Nga Bạch – Huyện Nga Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Nga Bạch – Huyện Nga Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 156 Đội Cung – P. Trường Thi - TP Thanh Hoá

Số điện thoại liên lạc: 0373.852.212

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán

Quá trình công tác:

▪	01/1991 - 06/2000	Làm việc tại Công ty công nghệ phẩm Thanh Hóa
▪	07/2000 - 12/2009	Làm việc tại Công ty CP Bách hóa số 3 - Thanh Hoa Sông Đà
▪	01/2010 - 05/2014	Trưởng ban kế toán tại Xí nghiệp 3 - Cty CP Thanh Hoa Sông Đà
▪	06/2014 đến nay	Ủy viên Ban kiểm soát kiêm Trưởng ban kế toán tại Xí nghiệp 3 - Cty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên BKS Cty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 20.000 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Thành Đồng	Em trai	134.100
2	Đỗ Thị Việt Hà	Em dâu	133.300

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2019 ban Kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự tất cả các cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty, nhằm duy trì việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đóng góp ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn.

- Khi được xin ý kiến, các thành viên BKS đã gửi ý kiến về HĐQT Công ty đầy đủ.

- Tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, ban Tổng giám đốc Công ty năm 2019 cụ thể:

- Xem xét pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, ban Tổng Giám đốc trong năm 2019 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.

- Thẩm định báo cáo Tài chính các quý, cũng như năm của Công ty, nhằm đánh giá trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam..

*** Tổng kết các cuộc họp của BKS:**

Trong năm ngoài việc tham gia các cuộc họp thường niên của HĐQT Ban kiểm soát đã tổ chức họp theo định kỳ mỗi quý một lần.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát năm 2019

Đơn vị tính: triệu đồng

Họ tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Cộng	Ghi chú
Trương Vạn Thành	Chủ tịch HĐQT	378		63	441	TV độc lập
Nguyễn Thanh Hải	UV HĐQT, TGD	266	96	16	378	
Lê Văn Tường	UV HĐQT, P. TGD	218	96	16	330	
Chu Thị Hòa	UV HĐQT, P. TGD	236	96	16	348	

Lê Mạnh Chiến	UV HĐQT		64	16	80	TV độc lập
Đỗ Văn Thái	Trưởng BKS	101	72	10	183	TV độc lập
Cao Thị Hiền	TV BKS	140	36	6	182	TV độc lập
Nguyễn Thị Lại	TV BKS	172	36	6	214	TV độc lập
Cộng		1.511	496	149	2.156	TV độc lập

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: *Không có*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: *Không có*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty

VI. Báo cáo tài chính

- BCTC năm 2019 bao gồm (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính) được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.
- Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính năm 2019:
Website: <http://Thanhhoasongda.com.vn>
- Địa chỉ cung cấp Báo cáo tài chính năm 2019:
Phòng kế toán – Công ty cổ phần Thanh Hoa Sông Đà – 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

1. Ý kiến kiểm toán



Số: 21./2020/BCKT/AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà được lập ngày 27 tháng 02 năm 2020, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc



Phó Giám đốc

Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Nguyên Nhung

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3360-2020-152-1

Headquarters
29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-28) 3910 4881 * Fax: (84-28) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

The North Branch
LK7-TT2, 96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 * Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namvietpb.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.365.493.302	60.155.853.707
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	5.059.280.242	7.872.017.665
1.	Tiền	111		5.059.280.242	4.843.131.665
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	3.028.886.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.532.613.520	14.738.229.465
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	5.998.056.650	6.192.514.486
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	120.577.061	4.481.201.449
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	4.469.364.697	5.106.907.788
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(1.055.384.888)	(1.042.394.258)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	26.541.993.531	36.194.919.860
1.	Hàng tồn kho	141		27.376.629.148	36.442.445.054
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(834.635.617)	(247.525.194)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		231.606.009	1.350.686.717
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	152.101.927	119.555.089
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		79.504.082	1.231.131.628
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.495.564.303	25.207.022.268
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		13.482.269.285	11.383.819.681
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	13.482.269.285	11.383.819.681
	- Nguyên giá	222		25.284.153.637	22.000.892.050
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.801.884.352)	(10.617.072.369)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.09	12.816.862.975	13.425.632.815
1.	Nguyên giá	231		20.870.696.426	20.870.696.426
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(8.053.833.451)	(7.445.063.611)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	-	98.490.596
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	98.490.596
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		196.432.043	299.079.176
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	196.432.043	299.079.176
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		67.861.057.605	85.362.875.975

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		29.609.141.607	44.418.960.449
I.	Nợ ngắn hạn	310		29.609.141.607	44.418.960.449
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	21.567.419.350	25.936.827.357
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		436.025.169	625.071.049
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	279.146.627	181.898.343
4.	Phải trả người lao động	314		552.320.986	736.635.378
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	13.636.364	20.454.535
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	476.227.607	282.106.748
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	5.535.302.100	16.139.105.151
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		749.063.404	496.861.888
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15	-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		38.251.915.998	40.943.915.526
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	38.251.915.998	40.943.915.526
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2.162.020.000)	(2.162.020.000)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		7.288.394.010	6.088.394.010
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.125.541.988	7.017.541.516
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.125.541.988	7.017.541.516
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		67.861.057.605	85.362.875.975

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Vũ Thị Lý

Nguyễn Thanh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	286.506.449.165	281.074.532.884
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	134.186.271	128.181.819
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		286.372.262.894	280.946.351.065
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	266.664.293.121	257.383.578.889
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.707.969.773	23.562.772.176
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	409.152.954	399.747.687
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	715.016.430	698.479.368
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>714.404.101</i>	<i>650.706.368</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	12.020.656.084	11.603.368.644
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	4.852.300.655	4.725.440.774
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.529.149.558	6.935.231.077
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	2.848.391.180	2.989.283.775
12.	Chi phí khác	32	VI.07	1.451.565.524	1.099.463.736
13.	Lợi nhuận khác	40		1.396.825.656	1.889.820.039
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.925.975.214	8.825.051.116
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	800.433.226	1.807.509.600
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.125.541.988	7.017.541.516
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.104	2.444
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.104	2.444

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Kế toán trưởng

Vũ Thị Lý

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 02 năm 2020



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		3.925.975.214	8.825.051.116
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.058.694.206	2.069.744.385
-	Các khoản dự phòng	03		600.101.053	(533.363.742)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		612.329	(59.267)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(332.317.999)	(4.533.816.101)
-	Chi phí lãi vay	06		714.404.101	650.706.368
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.967.468.904	6.478.262.759
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.344.252.861	(1.553.668.907)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.065.815.906	(11.524.887.185)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(4.605.255.818)	(819.880.453)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		70.100.295	429.039.610
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(714.404.101)	(650.706.368)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(720.173.715)	(1.789.287.162)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(165.340.000)	(216.745.001)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.242.464.332	(9.647.872.707)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.449.883.374)	(1.821.137.262)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		45.454.545	17.468.181.818
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		286.863.454	231.830.271
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.117.565.375)	15.878.874.827

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		113.670.629.724	128.598.364.591
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(124.274.432.775)	(130.988.536.198)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.333.221.000)	(2.188.198.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.937.024.051)	(4.578.369.607)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.812.125.094)	1.652.632.513
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.872.017.665	6.219.325.885
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(612.329)	59.267
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		5.059.280.242	7.872.017.665

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Vũ Thị Lý

Nguyễn Thanh Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và kinh doanh bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là kinh doanh hàng hóa và cho thuê văn phòng.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Thương mại - Dịch vụ số 1	Lô CC4, KCN Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa
Xí nghiệp Thương mại - Dịch vụ số 2	Số 13 Cao Thắng, P.Lam Sơn, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Xí nghiệp Thương mại - Dịch vụ số 3	Số 301 Trần Phú, P.Ba Đình, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Xí nghiệp Thương mại - Dịch vụ số 6	Lô CC4, KCN Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20 năm
- Máy móc, thiết bị	04 – 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	20 – 36 năm
-----------	-------------

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định hoặc thông báo chia cổ tức cho các cổ đông.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
 Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
01. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền	5.059.280.242	4.843.131.665
+ Tiền mặt	749.616.815	983.350.158
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.309.663.427	3.859.781.507
+ Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	3.028.886.000
Cộng	5.059.280.242	7.872.017.665
02. Phải thu của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	5.998.056.650	6.192.514.486
- Đoàn an điều dưỡng 296 Sầm Sơn - Cục Chính trị Tổng cục Hậu cần	829.424.000	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	5.168.632.650	6.192.514.486
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	5.998.056.650	6.192.514.486
03. Trả trước cho người bán		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	120.577.061	4.481.201.449
- Công ty Cổ phần Đại Đồng Tiền	-	1.710.072.934
- Công ty Cổ phần May Sông Hồng	88.036.747	1.877.877.530
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Thương mại Minh Cường	-	863.000.000
- Công ty TNHH MTV Thương mại Nhựa Vinh Phát	32.144.450	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	395.864	30.250.985
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	120.577.061	4.481.201.449



CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
04. Phải thu khác				
a. Ngân hạn	4.469.364.697	50.100.829	5.106.907.788	50.100.829
- Tạm ứng	39.109.490	-	5.237.700	-
- Kỳ quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Phải thu tiền thường doanh số	1.371.573.799	-	1.999.390.604	-
+ Công ty Cổ phần Điện lạnh Hòa Phát	396.571.799	-	1.339.747.150	-
+ Hà Nội Chinghai Electric Works co., Ltd	-	-	185.700.000	-
+ Công ty Cổ phần Máy Sóng Hồng	-	-	70.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát	50.000.000	-	93.954.545	-
+ Công ty TNHH Điện máy Aqua Việt Nam	228.000.000	-	150.040.000	-
+ Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam	-	-	9.090.909	-
+ Công ty Cổ phần Đạt Đồng Tiến	-	-	50.858.000	-
+ Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	637.002.000	-	100.000.000	-
+ Công ty TNHH MTV Thương mại Nhựa Vinh Phát	10.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần sứ Hải Dương	50.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	58.681.408	50.100.829	102.279.484	50.100.829
b. Dài hạn				
Cộng	4.469.364.697	50.100.829	5.106.907.788	50.100.829

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
05. Nợ xấu				
Công ty Cổ phần Huy Phát	Trên 3 năm	331.690.000	Trên 3 năm	331.690.000
Công ty TNHH MTV TM Xuất nhập khẩu Minh Tháo	Trên 3 năm	112.625.501	Trên 3 năm	112.625.501
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1 - 2 năm	700.940.987	1 - 2 năm	644.427.457
	2 - 3 năm	128.388.000	2 - 3 năm	58.077.000
	Trên 3 năm	572.552.987	Trên 3 năm	58.084.000
Cộng		1.145.256.488		1.088.742.958
		89.871.600		46.348.700
				29.038.500
				17.310.200

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hoá	27.376.629.148	(834.635.617)	36.442.445.054	(247.525.194)
Cộng	27.376.629.148	(834.635.617)	36.442.445.054	(247.525.194)

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Công trình Nhà kho Tây Bắc Ga	-	98.490.596
Cộng	-	98.490.596

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	11.415.622.461	4.216.324.197	6.368.945.392	22.000.892.050
- Mua trong năm	-	376.548.036	-	376.548.036
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.171.825.934	-	-	3.171.825.934
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(265.112.383)	(265.112.383)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	14.587.448.395	4.592.872.233	6.103.833.009	25.284.153.637
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.004.776.985	3.877.560.450	3.734.734.934	10.617.072.369
- Khấu hao trong năm	795.134.266	122.479.416	532.310.684	1.449.924.366
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(265.112.383)	(265.112.383)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.799.911.251	4.000.039.866	4.001.933.235	11.801.884.352
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	8.410.845.476	338.763.747	2.634.210.458	11.383.819.681
2. Tại ngày cuối năm	10.787.537.144	592.832.367	2.101.899.774	13.482.269.285

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 7.033.755.904 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 12.195.938.729 đồng và 7.474.810.287 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá	20.870.696.426	-	-	20.870.696.426
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	20.870.696.426	-	-	20.870.696.426
II. Giá trị hao mòn lũy kế	7.445.063.611	608.769.840	-	8.053.833.451
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	7.445.063.611	608.769.840	-	8.053.833.451
III. Giá trị còn lại	13.425.632.815	-	608.769.840	12.816.862.975
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	13.425.632.815	-	608.769.840	12.816.862.975

Tại ngày 31/12/2019, bất động sản đầu tư là Trung tâm thương mại số 25 Lê Lợi có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 15.488.315.193 đồng và 10.125.672.385 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

10. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	152.101.927	119.555.089
- Chi phí bảo hiểm	49.256.001	35.586.660
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	79.947.317	19.829.159
- Chi phí thuê kho	-	46.384.583
- Các khoản khác	22.898.609	17.754.687
b. Dài hạn	196.432.043	299.079.176
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	17.523.486	34.244.395
- Chi phí sửa chữa tài sản	144.941.990	264.834.781
- Các khoản khác	33.966.568	-
Cộng	348.533.970	418.634.265

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
11. Vay và nợ thuê tài chính						
a. Vay ngắn hạn	16.139.105.151	16.139.105.151	113.670.629.724	124.274.432.775	5.535.302.100	5.535.302.100
- Vay ngân hàng	16.139.105.151	16.139.105.151	110.373.957.624	120.997.362.775	5.515.700.000	5.515.700.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (*)	16.139.105.151	16.139.105.151	110.373.957.624	120.997.362.775	5.515.700.000	5.515.700.000
- Vay đối tượng khác	-	-	3.296.672.100	3.277.070.000	19.602.100	19.602.100
+ Ông Trương Công Thành	-	-	3.277.070.000	3.277.070.000	-	-
+ Ông Trần Phú Nhâm (**)	-	-	19.602.100	-	19.602.100	19.602.100
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	16.139.105.151	16.139.105.151	113.670.629.724	124.274.432.775	5.535.302.100	5.535.302.100

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

(*) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp đồng tín dụng số 3500-LAV-201900983 ngày 16 tháng 9 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay 28.000.000.000 đồng. Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể, tối đa không quá 3 tháng. Lãi suất vay cố định 7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng một số nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và bất động sản đầu tư của Công ty.

(**) Khoản vay cá nhân để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay trong năm là 7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
 Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	21.567.419.350	21.567.419.350	25.936.827.357	25.936.827.357
- Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	1.609.693.936	1.609.693.936	5.357.020.953	5.357.020.953
- Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	11.203.438.231	11.203.438.231	10.336.421.961	10.336.421.961
- Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát	1.518.432.103	1.518.432.103	1.247.057.030	1.247.057.030
- Công ty TNHH Thương mại Hương Thủy	3.720.576.742	3.720.576.742	4.247.794.553	4.247.794.553
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	3.515.278.338	3.515.278.338	4.748.532.860	4.748.532.860
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	21.567.419.350	21.567.419.350	25.936.827.357	25.936.827.357

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số cuối năm		Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
		Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm			
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	577.038.093	577.038.093	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	138.175.163	800.433.226	720.173.715	-	218.434.674
- Thuế thu nhập cá nhân	-	43.723.180	385.306.496	368.317.723	-	60.711.953
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.628.814.968	1.628.814.968	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
Cộng	-	181.898.343	3.398.592.783	3.301.344.499	-	279.146.627

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	476.227.607	282.106.748
- Kinh phí công đoàn	1.873.553	660.690
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.448.133	15.448.133
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	215.026.925	148.247.925
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	243.878.996	117.750.000
+ Chi phí tri ân, hỗ trợ khách hàng	243.700.000	117.750.000
+ Các đối tượng khác	178.996	-
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
Cộng	476.227.607	282.106.748

15. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	13.636.364	20.454.535
- Doanh thu cho thuê tài sản	13.636.364	20.454.535
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
Cộng	13.636.364	20.454.535

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Vốn chủ sở hữu
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	(2.162.020.000)	5.788.394.010	2.719.438.451	36.345.812.461
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	7.017.541.516	7.017.541.516
Phân phối lợi nhuận	-	-	300.000.000	(2.719.438.451)	(2.419.438.451)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	(2.162.020.000)	6.088.394.010	7.017.541.516	40.943.915.526
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	-	3.125.541.988	3.125.541.988
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	1.200.000.000	(7.017.541.516)	(5.817.541.516)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	30.000.000.000	(2.162.020.000)	7.288.394.010	3.125.541.988	38.251.915.998

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 10/NQ-DHDCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	1.200.000.000
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	277.541.516
Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	140.000.000
Trích cổ tức chi trả	5.400.000.000
Tổng phân phối lợi nhuận	7.017.541.516

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
+ Ông Trương Văn Thành	2.863.000.000	9,54	2.160.000.000	7,20
+ Ông Nguyễn Thanh Hải	2.250.000.000	7,50	1.750.000.000	5,83
+ Ông Lê Văn Tường	2.100.000.000	7,00	1.700.000.000	5,67
+ Bà Chu Thị Hòa	2.000.000.000	6,67	1.640.000.000	5,47
+ Các đối tượng khác	20.787.000.000	69,29	22.750.000.000	75,83
Cộng	30.000.000.000	100	30.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.400.000.000	2.160.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	300.000	300.000
+ Cổ phiếu phổ thông	300.000	300.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	392,32	392,32

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	987.775.330	954.755.852

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	277.344.961.903	254.792.106.978
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	9.161.487.262	26.282.425.906
Cộng	286.506.449.165	281.074.532.884

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
02. Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Giảm giá hàng bán	-	22.545.455
- Hàng bán bị trả lại	134.186.271	105.636.364
Cộng	134.186.271	128.181.819
03. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	263.983.419.492	241.349.824.862
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	2.093.763.206	15.818.203.767
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	587.110.423	215.550.260
Cộng	266.664.293.121	257.383.578.889
04. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	286.863.454	231.830.271
- Lãi chênh lệch tỷ giá	121.500	59.267
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	122.168.000	167.858.149
Cộng	409.152.954	399.747.687
05. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	714.404.101	650.706.368
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	612.329	-
- Chi phí tài chính khác	-	47.773.000
Cộng	715.016.430	698.479.368
06. Thu nhập khác		
- Thu thanh lý từ hợp đồng cho thuê showroom Bắc Cầu Hạc	-	1.838.636.364
- Tiền điện nước	1.350.926.990	1.057.005.582
- Tiền khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng	60.108.800	57.507.863
- Xử lý công nợ	1.257.706.322	3.365.412
- Lãi thanh lý TSCĐ	45.454.545	-
- Các khoản khác	134.194.523	32.768.554
Cộng	2.848.391.180	2.989.283.775
07. Chi phí khác		
- Tiền điện, nước cho thuê mặt bằng	1.337.757.547	1.060.454.703
- Chi phí khác	113.807.977	39.009.033
Cộng	1.451.565.524	1.099.463.736

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀSố 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	4.852.300.655	4.725.440.774
- Chi phí nhân viên quản lý	2.587.786.685	2.395.420.451
- Chi phí vật liệu quản lý	29.873.415	31.857.573
- Chi phí đồ dùng văn phòng	57.361.260	27.114.848
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
- Thuế, phí và lệ phí	199.108.412	215.369.462
- Chi phí dự phòng	41.163.060	43.968.976
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	338.054.514	178.502.110
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.598.953.309	1.833.207.354
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	12.020.656.084	11.603.368.644
- Chi phí nhân viên	6.371.441.739	6.031.702.029
- Chi phí vật liệu, bao bì	754.356.607	769.491.175
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	206.246.548	276.838.830
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.449.924.366	1.307.153.289
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.314.309.241	1.352.689.299
- Các khoản chi phí bán hàng khác	1.924.377.583	1.865.494.022
Cộng	16.872.956.739	16.328.809.418

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	706.859.626	1.695.577.367
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	93.573.600	111.932.233
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	800.433.226	1.807.509.600

(*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	3.925.975.214	8.825.051.116
Các khoản điều chỉnh tăng	28.418.916	33.855.586
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế	27.616.387	33.855.586
Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm của tiền gửi ngân hàng	612.329	-
Lãi chậm nộp bảo hiểm	190.200	-
Các khoản điều chỉnh giảm	420.096.000	381.019.867
Tiền hỗ trợ bán hàng nhận được đã tính thuế năm trước	420.096.000	380.960.600
Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm của tiền gửi ngân hàng	-	59.267
Thu nhập chịu thuế TNDN	3.534.298.130	8.477.886.835
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	706.859.626	1.695.577.367

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.125.541.988	7.017.541.516
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.125.541.988	7.017.541.516
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	144.000.000	417.541.516
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.104	2.444

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2019 tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.125.541.988	7.017.541.516
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.125.541.988	7.017.541.516
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	144.000.000	417.541.516
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.104	2.444

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2019 tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	784.230.022	801.348.748
- Chi phí nhân công	8.959.228.424	8.427.122.480
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.058.694.206	2.069.744.385
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.652.363.755	1.531.191.409
- Chi phí khác bằng tiền	5.471.040.478	5.757.441.199
- Chi phí dự phòng	41.163.060	43.968.976,00
Cộng	18.966.719.945	18.630.817.197

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.339.868.894	1.447.376.971
Phụ cấp	420.000.000	420.000.000
Cộng	<u>1.759.969.894</u>	<u>1.867.376.971</u>

Đơn vị tính: VND

03. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại;
- Lĩnh vực kinh doanh Bất động sản.

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do trên 90% doanh thu của Công ty là doanh thu bán hàng hóa.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	21.567.419.350	-	-	21.567.419.350
Vay và nợ	5.535.302.100	-	-	5.535.302.100
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	458.905.921	-	-	458.905.921
Cộng	27.561.627.371	-	-	27.561.627.371
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	25.936.827.357	-	-	25.936.827.357
Vay và nợ	16.139.105.151	-	-	16.139.105.151
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	265.997.925	-	-	265.997.925
Cộng	42.341.930.433	-	-	42.341.930.433

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày lại cho phù hợp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số liệu đã trình bày trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	Số liệu trình bày lại trên BCTC cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh :			
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.552	2.444
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.552	2.444

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giá định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Vũ Thị Lý

Nguyễn Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ



Thạc sỹ: *Trương Văn Thành*